

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lệ**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Võ Thị Bồi**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*

Bà **Phạm Thị Ngọc Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 820/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Kim T**

Trú tại: Số 48 N, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang

*** Bị đơn:** Ông **Phan Tiến V**

Trú tại: Số 85/12/25 P, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn, bà Phạm Thị Kim T trình bày:**

- Bà và ông Phan Tiến V kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp về tính cách, luôn bất đồng quan điểm dẫn tới cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông V nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông V có 03 con chung là Phan V Minh Nguyễn, sinh ngày 28/5/2010, Phan V Hoàng Yến, sinh ngày 5/6/2014, Phan V Như Ý, sinh ngày 29/12/2018.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 3 con chung. Không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

*** Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, bị đơn, ông Phan Tiến V trình bày:**

- Ông và bà Phạm Thị Kim T tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Phan V Minh Nguyễn, sinh ngày 28/5/2010, Phan V Hoàng Yến, sinh ngày 5/6/2014, Phan V Như Ý, sinh ngày 29/12/2018.

Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung Phan V Hoàng Yến, sinh ngày 5/6/2014, Phan V Như Ý, sinh ngày 29/12/2018; đề nghị giao con chung Phan V Minh Nguyễn, sinh ngày 28/5/2010 cho bà T trực tiếp nuôi. Không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung không trực tiếp nuôi.

Về nợ chung: Ông V xác định, ông Nguyễn Đức Long, trú tại số 11 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Nha Trang còn đang giữ số tiền của ông và bà T là 245.000.000 đồng. Đây là số tiền ông và bà T nộp tiền thuê mặt bằng của ông Long, nhưng do dịch covid ông và bà T không thuê tiếp được nên ông Long hứa sẽ trả lại. Ông yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Long phải trả cho ông và bà T số tiền trên.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tòa án giải quyết vụ án đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, và bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nuôi con chung: Giao 02 con chung Phan V Như Ý, sinh ngày 29/12/2018 và Phan V Minh Nguyễn, sinh ngày 28/5/2010 cho bà T trực tiếp nuôi; giao con chung Phan V Hoàng Yến, sinh ngày 5/6/2014 cho ông V trực tiếp nuôi.

Về nợ: Ông Phan Tiến V có yêu cầu giải quyết nợ chung, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập ông V nhiều lần để cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến nợ chung và nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên, ông V không có mặt để tiến hành làm việc. Vì vậy, không xem xét giải quyết việc chia nợ chung, khi nào ông V có yêu cầu thì sẽ thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, Xét nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ngày 10/7/2014 bà Phạm Thị Kim T và ông Phan Tiến V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phương Sơn và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2014, quyển số 01/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Phạm Thị Kim T xác nhận, từ năm 2019 đến nay vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm và ông V có chơi cờ bạc, nợ nần, có hành vi bạo lực với bà. Bà đã bỏ qua cho ông V rất nhiều lần nhưng ông V không thay đổi. Do đó, từ năm 2020 đến vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông V nên bà T xin ly hôn

Ông Phan Tiến V thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị Kim T. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, và không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bị đơn vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải được. Bên cạnh đó, dù đã được giải thích, thuyết phục nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hiệp và ông Chinh đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T xin ly hôn ông V là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Ông V, bà T có 03 con chung là Phan V Minh Nguyễn (Sinh ngày 28/5/2010), Phan V Hoàng Yến (Sinh ngày 05/6/2014) và Phan V Như Ý (sinh ngày 29/12/2018).

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021, cháu Phan V Minh Nguyễn có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Phan V Hoàng Yến có nguyện vọng ở với ba. Xét thấy, hai cháu Nguyễn và Yến đã trên 7 tuổi nên thể theo nguyện vọng của các cháu thì giao cháu Phan V Minh Nguyễn cho bà T nuôi dưỡng và giao cháu Phan V Hoàng Yến cho ông V nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con chung trên 7 tuổi..

Đối với cháu Phan V Như Ý, hiện nay cháu mới được hơn 03 tuổi, vẫn còn nhỏ nên cần để cho cháu được ở với mẹ để được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn.

Vì vậy, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Phan V Minh Nguyễn và cháu Phan V Như Ý cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan V Hoàng Yến cho ông Phan Tiến V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông V và bà T do các bên không có yêu cầu.

Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà T, ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về nợ chung*: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung

Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, ông Phan Tiến V yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức Long, trú tại số 11 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Nha Trang trả cho ông và bà T số tiền 245.000.000 đồng. Đây là số tiền ông và bà T nộp tiền thuê mặt bằng của ông Long, nhưng do dịch covid - 19, ông và bà T không thuê tiếp được nên ông Long hứa sẽ hoàn trả lại số tiền này. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến nợ chung và nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng nhưng ông V không có mặt để tiến hành làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

[6]. *Về án phí*: Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật HNGĐ;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bà Phạm Thị Kim T được ly hôn ông Phan Tiến V.

2. Về con chung: Giao con chung Phan V Minh Nguyễn, sinh ngày 28/5/2010, Phan V Như Ý, sinh ngày 29/12/2018 cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Giao con chung Phan V Hoàng Yến, sinh ngày 05/6/2014 cho ông Phan Tiến V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông V và bà T do các bên không có yêu cầu.

Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Phạm Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000645 ngày 4/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

* *Quy định chung*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* *Nơi nhận*:

- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND phường Phương Sơn
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ